

Con gà trong ngôn ngữ và văn hóa Việt

Lê Đức Luận¹

¹ Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
Email: leducluan3@gmail.com

Nhận ngày 04 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 1 năm 2017.

Tóm tắt: Con gà là một trong 12 con giáp. Nó còn được gọi là ca, dậu, ga, cha, kê. Gà không chỉ có giá trị kinh tế và ẩm thực, mà còn có ý nghĩa về tâm linh. Gà biểu trưng cho đồng hồ thời gian; về trạng thái, đức tính, phẩm chất con người; về năng lực, vận hội, sự may rủi, nghèo khó và giàu sang. Con gà là khái niệm thường dùng trong ngôn ngữ và là biểu tượng đặc sắc trong văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Biểu tượng, gà, ngôn ngữ, văn hóa, Việt Nam.

Abstract: The rooster is one of the 12 animals of the oriental zodiac. It bears not only economic and gastronomic values, but also spiritual meaning, symbolising a timepiece, human moods and qualities, capacities and luck, and poverty and wealth. The image of the rooster is often utilised in the Vietnamese language and culture as a special emblem.

Keywords: Emblem, rooster, language, culture, Vietnam.

1. Dẫn nhập

Biểu trưng năm Dậu với hình ảnh con gà từ lâu đã đi vào tâm thức người Việt. Vì sao như vậy? Để trả lời câu hỏi này bài viết phân tích đặc điểm của con gà trong ngôn ngữ và văn hóa Việt.

2. Con gà trong ngôn ngữ Việt

Gà trong tiếng Việt cũng được gọi là: dậu, ca, cà, ga, cha, kê. Người miền Trung gọi gà là ca, cà; người vùng Bắc Quảng Bình và Nam Hà Tĩnh gọi gà là ga, riêng vùng Bắc

Quảng Bình gọi gà là cha. Âm “cha” có thể là âm cổ hơn âm “ca”. Âm vị /c/ và /k/ đều nằm cùng hàng âm vô thanh, không bật hơi, ồn, tắc [1, tr.91-105]. Trong tiếng Lào, “con ca” là “tô cày” [3]. “Ca” và “cày” đều cùng nguồn gốc. Có thể “ca” và “kê” là hai dạng thể biến âm của nhau bởi chúng đều chung âm vị /k/. Âm “ga” là quá trình biến đổi ngữ âm trung gian giữa “ca” và “gà” bởi “ga” phản ánh thời kì tiếng Việt ban đầu không có thanh điệu rồi đến ba thanh ở thế kỉ thứ VI và 6 thanh vào thế kỉ XII do ảnh hưởng của hệ ngôn ngữ Hán Tạng [1, tr.91-105]. Như vậy, có thể “cha”, “ca”, “kê”, “cà”, “ga”, “gà” đều

là con gà. Theo giống thì có gà mái và gà trống (nhưng âm cổ của “trống” là “sống”). Trong tục ngữ âm “sống” cũng chỉ người cha, đàn ông (“con bóng sống mang”). Như vậy, “sống” biểu thị giống đực, không phân biệt động vật hay người. Sau này âm “sống” biến thành “trống” để chỉ gà giống đực, còn “sống” ít dùng và trở thành từ cổ.

Từ “dậu” (ứng với tên một giáp trong 12 con giáp) có thể là tiếng Việt cổ. Hiện nay, chúng ta chưa tìm thấy một biến thể của “dậu” trong tiếng Việt. Trong truyện cười *Tam đại con gà*, khi thấy giáo cắt nghĩa chữ “kê”, ông ta không biết chữ này là gì, đành nói đại “dù dĩ là con dù dĩ”. Vậy, giữa “dù” và “dậu” có liên quan gì với nhau không? Vấn đề này vẫn khó xác định. “Dậu” cũng viết là “giậu”, chỉ hàng rào, cái phen che ngăn nên có từ ghép “rào giậu” [7].

Tùy theo đặc điểm cấu tạo, môi trường sống mà “gà” trong ngôn ngữ Việt có những tên gọi khác nhau. Tri nhận gà theo môi trường sống trong tự nhiên có các loại: gà gô (đuôi ngắn), gà lôi (gà to có đuôi xòe tựa đuôi con chim công), gà nước (sống ở đồng bằng). Tri nhận gà theo màu sắc có: gà ác hoặc gà ô (gà có lông đen tuyền), gà xám ô hoặc gà nâu (gà có lông xám đen), gà sao (lông đuôi có chấm, màu giống đuôi công), gà bướm (gà có sắc lông lốm đốm đẹp như con bướm), gà bông trích (gà có mồng đỏ như chim trích), gà nhạn (gà có lông trắng như chim nhạn), gà chuối (gà có nhiều màu như vàng, xám, trắng, đỏ, và nâu giống như thân cây chuối lốm đốm), gà điều (lông đỏ óng ánh màu nâu sậm). Tri nhận theo chức năng đá chọi có các loại: gà chọi hay gà đá (gà cao lớn, chân dài có cựa, đá giỏi, nuôi để chọi nhau), gà nòi (gà nòi là thứ gà giống tốt và to đá giỏi). Tri nhận gà theo cỡ có: gà cồ hoặc gà tre (gà nhỏ), gà

kiến (gà nhỏ, lông màu như cánh kiến), gà ri (gà nhỏ, chân ngắn), gà cồ hoặc gà tồ (gà to có ít lông, có vẻ chậm chạp), gà đòn hay gà cù lự (gà lớn con, chân to, cẳng bự, cựa mọc không dài nhưng đá rất hăng). Tri nhận gà theo chức năng sinh sản có: gà giò (loại gà trống chưa có cựa và chưa gáy), gà hoa (gà trống tơ không thiên), gà thiên (gà trống bị thiên), gà mái ghe (gà mái tơ gọi trống và sắp đẻ). Tri nhận gà theo xuất xứ có các loại: gà xiêm (gà có đầu nhỏ, lông màu xám lốm đốm trắng), gà ta, gà tây (gà xuất phát từ phương Tây), gà logo (giống gà tây, lông toàn màu trắng), gà pha (lai tạo nhiều giống với nhau), gà công nghiệp (gà tây nuôi theo phương thức công nghiệp) [7]. Gà còn có tên theo địa phương như: gà Đông Tảo, gà Hồ, gà Cao Lãnh, gà Bà Điểm, gà Hóc Môn, gà Kế Sách. Gà Cao Lãnh nổi tiếng là gà đá giỏi (“gà nào hay bằng gà Cao Lãnh”).

3. Con gà trong văn hóa Việt

Cúng gà lúc giao thừa là tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp. Người dân dùng gà, đặc biệt là gà trống, để làm đồ cúng trong dịp lễ tết, lễ giỗ gia tiên, lễ mở cửa mả. Những lễ cầu thần linh đều phải cúng gà. “Gà, xôi, trâu và rượu” là 4 lễ vật tối thiểu để cúng thần linh. Gà là loài chim được thuần dưỡng thành gia cầm. Nó đứng đầu bảng trong các loại gia cầm không chỉ về giá trị kinh tế và ẩm thực, mà còn về giá trị tâm linh. Thịt gà và trứng gà là món ăn ngon và bổ dưỡng. Gà lại là giống dễ nuôi, mắn đẻ. Gà trống bao giờ cũng là thứ cúng cho các lễ quan trọng và người ta còn bói bằng chân gà [5]. Gà là một vật phẩm dùng trong nghi lễ cưới xin. Trong truyền thuyết

“Sơn Tinh, Thủy Tinh”, trong các lễ vật Hùng Vương thách cưới để chọn rể có “gà chín cựa” [6]. Ngày xưa, trước khi cưới vợ, nhà trai phải nộp cheo (tiền nộp làm lễ phí cưới xin) cho làng kèm theo con gà xin lễ (“Em về thưa mẹ cùng cha/Bắt lợn đi cưới bắt gà đi cheo”).

Về phong thủy, theo ngũ hành, gà là con vật thuộc hành kim, phù hợp khi bài trí ở hướng tây của căn phòng. Gà trống được sử dụng trong văn phòng và các doanh nghiệp vì nó có khả năng thúc đẩy sự nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, con gà trống, với tư thế vương giả của chúng, cũng được cho là rất tốt cho các nhà lãnh đạo. Hình ảnh chú gà trống oai vệ, hùng dũng biểu tượng cho sự thịnh vượng, cho 5 đức tính tốt của nam giới (người quân tử): tính văn (mào đỏ tựa như mũ cánh chuồn của quan văn), tính vũ (cựa gà), tính dũng (không sợ địch thủ), tính nhân (kiếm ăn theo đàn, cùng với đồng loại), tính tín (gáy báo giờ chính xác). Tiếng gà trống gáy là báo hiệu sự may mắn, xua đuổi điều xui xẻo. Ngược lại, gà mái mà gáy là báo điềm gở, không may mắn (“gà mái gáy mai, lợn bại cửa nhà”). Gà thường gáy từ canh bốn và gáy rộ ở canh năm, nhưng gà gáy sớm báo hiệu điềm xấu. Tục ngữ có câu: “gà gáy canh một họa tai, gà gáy canh hai đạo tặc”. Câu này có nghĩa như sau: canh một trời mới tối nhưng khi có nhà trong vùng cháy thì gà ngỡ trời sáng nên gáy, còn canh hai khi bọn đạo tặc đến cướp bóc, làm náo động thì gà tưởng gần sáng nên cũng gáy. Món thịt gà thường dùng tiếp đãi khách quý (“khách đến nhà, chẳng gà thì vịt”), những việc trọng đại đều có gà. Tục ngữ có câu “bút sa gà chết”. “Sa” ở đây có hai nghĩa: “sa” với nghĩa đặt bút kí và “sa” với nghĩa kí sai. Cả hai điều này đều phải giết gà đãi (đơn từ được kí

chấp nhận, cho phép) hoặc tạ lỗi (do kí sai). Gà trống thiên không còn đập mái nên thịt béo, vì thế thường đem dâng biếu cho người mình hàm ơn, trong đó có thầy cúng: (“con gà trống thiên để riêng cho thầy”).

Gà mái biểu trưng cho tình mẫu tử. Nó chăm con từ khi ấp trứng cho đến khi con lớn, hề thấy mồi là gà mẹ gọi con đến ăn. Khi có con nào hại con của nó thì nó nhất quyết xông ra bảo vệ đến cùng. Vì thế nó được dân gian lấy làm cảm hứng nghĩa tình (“Cất lên một tiếng la đà/Cho chim nhớ tổ cho gà nhớ con”). Trong tranh Đông Hồ, bức tranh đàn gà mẹ con thể hiện sự sum vầy, mẹ con quấn quýt; bức tranh đưa bé ôm gà thể hiện sự vinh hoa; bức tranh gà trống với gà mái và đàn gà con thể hiện sự hạnh phúc đủ đầy; bức tranh hai con gà trống chọi nhau thể hiện sự dũng khí... Đó là những biểu tượng văn hóa dân tộc. Nhà thơ Hoàng Cầm đã đưa ra một phát hiện rất thú vị: “Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong/Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp” (Bên kia sông Đuống).

Gà biểu trưng cho đồng hồ thời gian. Dân gian quan niệm “đêm 5 canh, ngày 6 khắc”. Trong bài ca dao lưu hành ở Hà Nội có câu “tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương”. Canh 5 là khoảng thời gian từ 3 đến 5 giờ sáng, gà bắt đầu gáy lác đác từ 3 giờ, gáy rộ lên từ 4 giờ. Bốn giờ là lúc gà bên làng Thọ Xương gáy và các sư trụ trì chùa Trấn Võ thức dậy đánh chuông tụng kinh sáng. Biểu trưng về thời gian có thành ngữ “gà mới lên chuồng”. Theo đó, gà thường lên chuồng vào khoảng 6 đến 7 giờ tối, ý nói lúc đó thời gian mới chập tối, còn sớm. Câu “nửa đêm gà gáy” thì nói rằng thời gian quá khuya khoắt.

Khi nghe một con gà trống gáy thì các con gà trống khác cũng gáy theo. Con này

gáy to thì các con khác cũng cố gáy to hơn. Từ đó có câu: “gà người gáy, gà ta cũng đập cánh”. Hàm ý câu tục ngữ này là bắt chước làm theo có tính bầy đàn. Từ “gáy” đã trở thành ẩn dụ khi nói ai đó khoe khoang (“mày lại gáy rồi hả”, “chưa có gì mà đã gáy rồi”).

Gà trống có khả năng đá nên có câu “gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau” câu này khuyên anh em đoàn kết, gắn bó với nhau, đừng tranh giành đấu đá nhau. Gà mái không gáy nhưng khi đẻ thường cục tác. Từ đó có câu: “gà đẻ gà cục tác”. Câu tục ngữ này hàm ý nói rằng người trong cuộc mới biết sự việc xảy ra, tự khoe cho thiên hạ biết. Gà đá không bằng ngựa đá. Vì thế có câu thành ngữ “đá gà đá vịt”. Câu này để chỉ người làm việc qua loa, đại khái. Nói về tính hiếu thắng có câu “gà giò ngựa cựa” câu này tương tự như câu “ngựa non háu đá”. Câu “con gà ghét nhau tiếng gáy” hàm chỉ sự đố kị, ghen ghét khi thấy ai đó hơn mình.

Nói về hành động, phương thức sai lầm, có câu “giết gà lấy trứng”. Câu này phê bình sự nóng vội (muốn có trứng ngay nên giết gà, nhưng còn trong bụng gà thì trứng vẫn không thành trứng). Câu “mỏ gà dao trâu” cũng nói về cách thức làm việc sai (con gà thì nhỏ mà lấy dao mổ trâu để mổ gà thì không phù hợp). Câu này cũng có nghĩa là làm to chuyện với một việc nhỏ. Gà và cuốc (hoặc quốc) cùng loài có bề ngoài khá giống nhau nên dễ “nhìn gà hóa cuốc”. Câu này nói về sự nhầm lẫn, tưởng cái này nhưng hóa ra cái kia.

Gà biểu trưng về năng lực, vận hội, sự may rủi, nghèo khó và giàu sang. Nói về con người kém cỏi, có câu thành ngữ “trời gà không chặt”. Câu này nói kẻ hèn yếu, không làm được việc gì nên thân. Nói về những người đàn ông làm ăn thất bát,

không có uy tín, có câu “đuổi gà cho vợ”. Gà thường ăn ở chỗ có thức ăn và cối xay (là nơi có vương vãi thóc gạo). Từ đó có câu “gà què ăn quần cối xay”. Câu tục ngữ chê bai những người kém cỏi, thiếu ý chí thường làm những việc quanh quẩn ở nhà, gần làng, những việc quen thuộc, mà không dám trải nghiệm, khám phá những nơi mới, những điều khác lạ. Nói về tai họa dồn dập thì có câu “gà què bị chó đuổi” (câu này hình tượng hơn câu “họa vô đơn chí”). Để cảnh báo những điều không may, nguy hiểm, dự báo diễn biến không tốt có câu “hóc xương gà, sa càngh khế”. Câu này có nghĩa rằng: càngh khế rất giòn, dễ gãy, nếu leo cây khế sẽ bị ngã, còn xương gà sắc, cứng, khi bị hóc khó lấy ra. Nói về sự sung sướng khi được tự do, dân gian có câu tục ngữ “chim sổ lồng, gà sổ chuồng” (chim sổ lồng nó bay rất xa, gà sổ chuồng nó cũng tung chạy như bay). Nói nghèo khó, tục ngữ có câu “chó ăn đá, gà ăn sỏi” (câu này chỉ vùng đất khô cằn, nghèo khó). Nói về giàu sang có câu “gà ăn không hết bạc” (câu này hàm ý nhà giàu có, quá nhiều tiền của).

Gà biểu trưng về mối quan hệ, ứng xử gia đình và xã hội. Để phê phán, chê trách về một loại người, một tính cách nào đó người Việt dựa vào trạng thái bươi, bới của gà. Câu tục ngữ “trấu trong nhà để gà ai bới” có ý rằng, việc trong nhà nhưng lại để cho người khác can thiệp. Hai câu tục ngữ “hoài thóc nuôi gà rừng”, “hoài thóc ta cho gà người bới” đều có nghĩa rằng, thật hoài phí khi chăm lo một người không thuộc về mình, làm một việc mà không đem lại lợi ích gì. Con gà thường hay nhảy mổ lung tung để kiếm ăn, nhà bếp là nơi gà hay vào kiếm ăn. Từ đây có các câu tục ngữ: “vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm”, “vắng chủ nhà,

gà bơi bếp”. Nghĩa hàm ngôn của hai câu tục ngữ này là: trong một cơ quan, tổ chức, nhân viên tận dụng cơ hội không có người quản lý, tự ý làm những việc theo chủ quan của mình. Từ tập tính sinh hoạt của gà mà có câu tục ngữ “chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng”. Câu này nói về có loại người cậy thế mình là người bản quán để bắt nạt người địa phương khác. Cảnh báo một hệ lụy khi quan hệ bất cần có câu: “chơi chó, chó liếm mặt; chơi gà, gà mổ mắt”. Câu tục ngữ này hàm ý nói rằng đừng chơi quá thân mật với ai mà mình không thể hiểu được, sự thất thường của họ có thể làm cho mình bị vạ. Gà trong mối quan hệ với đồng loại cũng được khai thác triệt để. Gà rừng cũng là gà nhưng hoang dã. Từ đó có câu: “thóc đầu mà đãi gà rừng”. Câu này chỉ hành vi tốn kém, lãng phí, không đem lại hiệu quả. Gà phong độ kém hơn so với phượng hoàng, từ đó có câu tục ngữ “phượng hoàng ăn lẫn với gà”. Câu này có ý nghĩa rằng, người sang trọng mà ở với người tầm thường thì lãng phí và không phù hợp.

Phê phán sự phản bội, phản phúc có câu tục ngữ “gà nhà lại bới bếp nhà”. Câu này nói rằng người trong nhà, cùng họ tộc, cùng cơ quan nhưng vẫn phá hoại lẫn nhau. Câu tục ngữ “cồng rắn cắn gà nhà” phê phán kẻ phản phúc, mượn kẻ khác giết hại người nhà, người cùng quê hương đất nước để chiếm chỗ, đạt được mong muốn quyền lực. Câu “chân gà lại bới ruột gà” tương tự như câu “nồi da xáo thịt”. Câu này ý nói rằng, gà mà bới ruột gà để ăn, người mà giết người thì thật là đau đớn.

Nói về quan hệ gia đình, dòng tộc, nguồn cội, dân gian cũng lấy hình ảnh gà. Câu “con tông gà nòi” để nói về huyết thống di truyền, con cháu của gia đình tiếp nối được truyền thống tốt đẹp của ông cha.

Con, đặc biệt là con trai, phải giữ cha, không để cho cha bỏ mẹ, bỏ gia đình đi với người phụ nữ khác. Con mà không có cha là mất đi chỗ dựa, vị trí xã hội. Con gà cũng như vậy, nó giữ ổ vì ổ là tổ ấm, trong đó có trứng hoặc gà con, mất ổ là mất tất cả. Con không có cha cũng vậy, đó là mất mát rất lớn. Từ đó có câu “con giữ cha, gà giữ ổ”. Hai vế của câu tục ngữ này đặt bên cạnh nhau, vế sau minh họa cho vế trước. Gà trống không biết ấp trứng, không có thói quen nuôi con, nên câu “gà trống nuôi con” nói rằng, cha nuôi con thật là khó, sự vất vả khó nhọc của người cha khi vợ mất để con lại cho mình nuôi dưỡng. Thành ngữ “mẹ gà, con vịt” lại nói đến cảnh của những trẻ em sớm mồ côi mẹ, phải sống với dì ghẻ hoặc cha mẹ nuôi. Nói về sự chắc chắn trong tâm tay có câu: “dâu vào nhà như gà bỏ rọ”. Câu này có nghĩa rằng, con dâu về nhà chồng thì không thể nào tự do, bị ràng buộc bởi quy tắc, lối sống của nhà chồng. Nói về tâm thức hướng về nguồn cội, dân gian có câu “gà cỏ trở mỏ về rừng”. Câu này đồng nghĩa với câu “cáo chết quay đầu về núi”, “lá rụng về cội”.

Gà biểu trưng về đức tính, phẩm chất con người. Câu “gà chê thóc chẳng bới thì người mới chê tiền” nói rằng, không ai chê tiền, cũng như gà không bao giờ chê thóc. Nói về sự nhiệt tình, hăng hái thái quá nhưng có phần xốc nổi có câu “hăng máu gà”. Nói về tính keo kiệt, bòn mót bủn xỉn có câu “đãi cứt sáo lấy hạt đa, đãi cứt gà lấy hạt tằm” (tương ứng như: “rán sành ra mỡ”). Câu này còn có nghĩa về sự tìm kiếm vô vọng (vì làm sao có tằm trong phân gà). Câu “cơm đầu no bụng chó, thóc đầu no bụng gà” nói rằng chó và gà ăn một lúc có thể ăn lại được, cơm đầu đủ cho chó và thóc đầu vừa cho gà ăn như thế. Câu tục ngữ này

cũng khuyên người ta cho chó và gà ăn chừng mực. Câu này còn có ý phê phán lòng tham vô đáy của bọn tham lam. Nói về hành vi gian dối có câu “bé ăn trộm gà, cả ăn trộm trâu, lâu lâu làm giặc”. Câu tục ngữ này cảnh báo rằng nếu trẻ có hành vi ăn cắp lúc nhỏ thì lớn lên sẽ ăn cắp cái lớn hơn và sẽ là giặc cướp nay mai.

Gà biểu thị trạng thái của con người. Câu “lúng túng như gà mắc tóc” hàm ý chỉ trạng thái lúng túng, khó xoay xở của người vào thế bị động, thiếu bình tĩnh, bối rối trong xử lý công việc. Câu “ủ rũ như gà rù” chỉ con người không có sinh khí. Nói về trạng thái yếu ớt hay lo sợ đến run rẩy có câu “run như gà bị cắt tiết”. Câu “lờ đờ như gà ban hôm” chỉ người chậm chạp, không hoạt bát. Từ “quáng gà” để chỉ người mắt kém, nhìn không rõ như gà lúc chiều tối (không thấy gì nên thường lạc chuồng). Câu “nháo nhác như gà lạc mẹ” nói về sự ngờ ngác bối rối của con khi lạc mẹ và cũng nói về sự hỗn loạn, nháo nhác của một tổ chức mất người đứng đầu lãnh đạo. Câu “nháo nhác như gà phải cáo” có nét tương đồng với câu trên nhưng có sự khác biệt, vì câu này biểu hiện sự hoảng hốt, lo sợ khi gặp nguy hiểm. Hàm chỉ trạng thái hỗn loạn, thiếu bình tĩnh lo sợ, bối rối khi đứng trước tình huống ngặt nghèo. Tương ứng với nghĩa trên có câu “nhón nhác như gà con gặp quạ”. Nói về người sợ hãi quá mức, mặt tái xám thì có câu “mặt tái như gà cắt tiết”. Miêu tả trạng thái chộn rộn, vội vàng, hối hả của người muốn làm việc gì đó ngay nhưng lại chưa tìm ra cách có các câu “dáo dác như gà mắc đề”, “te tái như gà mái mắc đề”, “te tái như gà mái nhảy ổ”. Thành ngữ “ngủ gà, ngủ vịt” để chỉ trạng thái ngủ lơ mơ, chậm chạp, không thành giấc. Da của người sần sùi được ví “nổi da gà”.

Gà dùng để biểu thị tính cách, đặc điểm hoạt động của con người. Nói về người phụ nữ mẫn đảm thì không có câu nào hay hơn câu thành ngữ “đẻ như gà”. Để chỉ người tức giận mà chửi nhiều cho hả dạ thì có câu “chửi như mất gà”. Gà là con vật dễ nuôi, vốn ít, không phải đầu tư nhiều nhưng lại đem hiệu quả kinh tế cao. Khi khôn khó người ta nghĩ ngay đến việc nuôi gà. Từ đó có câu “tháng giêng, tháng hai/tháng ba, tháng bốn/tháng khốn tháng nạn.../Ra chợ Kẻ Diên mua con gà mái/về nuôi” [6]. Câu thành ngữ “chữ như gà bới” có ý rằng chữ viết xấu (giống như gà bới thì hằn các vết loằng ngoằng, không có đường nét rõ ràng, lộn xộn). Câu “học như gà đá vách” có ý rằng, gà mà đá vách thì chỉ nghe lộp lộp, chả làm cho vách hư hại gì, những người học không ra gì cũng kém cỏi như thế. Nói về cẩn thận trước khi làm việc gì có câu tục ngữ “chó ba quanh mới nằm, gà ba lần vỗ cánh mới gáy”. Nếu người ta làm gì đó nghe tiếng lộp bộp thì không có sự so sánh nào hay hơn câu “lộp bộp như gà mổ mo” (bỏ thóc gạo trên mo cau, gà mổ lộp bộp). Màu đỏ tươi được ví “đỏ như mào gà”. Mặt người bị dị ứng đỏ rần lên thì được ví như “mặt đỏ như gà chọi”. Màu của lòng trắng trứng gà khi luộc rồi bóc ra rất trắng nên được ví với da trắng ngần. Từ đó có câu: “da như trứng gà lột” hoặc “da trắng như trứng gà bóc”.

Gà biểu trưng về văn hóa ứng xử, giao tiếp. Gà và vịt là hai con vật gia cầm nhưng giọng kêu khác nhau. Từ đó có câu thành ngữ “ông nói gà, bà nói vịt”. Câu này có ý rằng, nếu mỗi người nói một kiểu, theo hướng khác nhau thì sẽ không hiểu nhau. Câu “hỏi gà đáp vịt” lại hàm ý rằng người hỏi một đằng, người trả lời một nẻo, không ăn khớp gì với nhau. Câu “lép bép như gà

mỏ tép” nói về người ngồi lê mách lẻo, nói lép bép như gà mỏ. Câu “đầu gà đít vịt” biểu thị sự không phù hợp do kết nối không đồng bộ. Câu này còn có nghĩa rằng, trước nói về đầu gà, sau lại nói về đít vịt, trước và sau không ăn nhập gì với nhau, sự trình bày nhưng trước sau không thống nhất. Các thành ngữ “con cà con kê”, “kể cà kê dê ngỗng” đều chỉ về việc nói năng dông dài, chuyện nọ xọ chuyện kia. Từ “cà” đồng nghĩa với “kê”, “ca”, “gà”. Câu thành ngữ này có ý rằng mọi người đều biết và chỉ cần biết “cà” là gà, không cần phải giải dài dòng gà là “kê”. Câu “kể cà kê dê ngỗng” còn có nghĩa rằng khi kể con “cà” mà lại kể con “kê” rồi lại kể thêm con “dê” và con “ngỗng” thì chả ăn nhập gì với nhau.

4. Kết luận

Biểu trưng năm Dậu trong mười hai con giáp với hình ảnh con gà đã đi vào lời ăn tiếng nói, đời sống sinh hoạt, văn hóa, tín ngưỡng của người Việt. Có một hệ thống khá phong phú tên gọi chỉ gà theo môi trường sống, theo giai đoạn sinh trưởng, theo giống, theo khả năng sinh sản, theo hình dạng và màu sắc của lông... Những biến đổi âm tiết chỉ gà thể hiện quá trình phát triển tiếng Việt. Những trạng thái, tính

cách của con người được biểu trưng qua hình ảnh con gà trong ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt. Từ xưa đến nay, tiếng gà gáy sang canh trở thành như tiếng chuông đồng hồ báo thời gian, gắn bó mật thiết với làng quê Việt.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mai Ngọc Chừ (Chủ biên) (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (Chủ biên), Phan Đăng Tài, Nguyễn Thuý Loan, Đặng Diệu Trang (1995), *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [3] Trần Kim Lân (2007), *Từ điển Lào - Việt*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ chí Minh.
- [4] Nguyễn Lân (2006), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] Lê Đức Luận (2011), “Vài nét về văn hóa truyền thống người Việt qua một số câu tục ngữ”, Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 3.
- [6] Lê Đức Luận (2015), *Tiếp cận tác phẩm văn học nhà trường theo phương pháp phức hợp*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [7] Hoàng Phê (Chủ biên) (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [8] Viện Nghiên cứu Văn hóa (2002), “Tục ngữ”, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.